TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **190**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2026/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1983;

Số CCCD: 001183024*** cấp ngày: 29/3/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Đội 6 – T, xã M, Thành phố Hà Nội (Địa chỉ cũ: Đội 6 – T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội).

Nơi cư trú: E, ấp AB, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Ông **Lưu Văn M**, sinh năm: 1981;

Số CCCD: 00108101**** cấp ngày: 24/3/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Đội 6 – T, xã M, Thành phố Hà Nội (Địa chỉ cũ: Đội 6 – T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội).

Nơi cư trú: E, ấp AB, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 20/01/2026, các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn; Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M đã thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn.

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây cấp ngày 18/01/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Toà án ban hành Quyết định.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M xác nhận có 02 người con chung tên là Lưu Thùy T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 04/12/2002 (Đã trưởng thành) và Lưu Anh T, giới tính: Nam, sinh ngày: 26/5/2009. Ông M và bà T cùng thỏa thuận giao trẻ Anh T cho ông M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Thu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M xác nhận không có.

- Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T và ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002386 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Văn M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND KV10 – TP.HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- UBND xã H, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ; (3)

THẨM PHÁN

Phan Thị Út

